

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG 2

(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 2)

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 Qui định chi tiết một số điều của Luật Doanh Nghiệp;
- Quyết định số 1575/QĐ/BNN-TCCB ngày 26 tháng 05 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT về việc chuyển Công ty Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2.
- Điều lệ Công Ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 (sửa đổi và bổ sung lần 01) ngày 17/01/2014;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Công Ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cam kết thực hiện những qui định trong bản điều lệ này.

Bản Điều lệ sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của công ty .

Khi cùng nhau ký vào bản điều lệ này, Chúng tôi long trọng tuyên bố rằng Chúng tôi biết và hiểu rõ luật pháp nhà nước điều chỉnh quan hệ pháp lý giữa Chúng tôi và công ty mà Chúng tôi lập nên cũng như những quyền cùng nghĩa vụ và các hoạt động của nó. Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp và sẽ yêu cầu những người mà sau này sẽ là Cổ đông hay sẽ là người quản lý công ty, nhân viên đại diện, người được ủy quyền, người được chuyển nhượng của công ty cũng sẽ chấp hành luật pháp như Chúng tôi; và tất cả đều sẽ chấp nhận những hình thức xử lý vi phạm theo luật định nếu vi phạm.

Bản Điều lệ này quy định việc viết tắt một số danh từ được sử dụng nhiều lần như sau:

- Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 được viết tắt là Công ty CM2;
- Đại hội đồng cổ đông được viết tắt là ĐHĐCĐ;
- Hội đồng quản trị được viết tắt là HĐQT;
- Ban kiểm soát được viết tắt là BKS;
- Giám đốc được viết tắt là GD

Điều lệ này gồm 10 chương, 69 điều, được Chúng tôi thông qua từng điều trước khi ký và để vào hồ sơ.

Điều lệ này lập thành 6 bản có giá trị như nhau. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị đối với Công ty.

Điều lệ này bao gồm các điều khoản sau:

Chương 1 **ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Điều 1: Tên công ty và hình thức

1. Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG 2.

- Gọi tắt là: **CM2**

- Tên giao dịch đối ngoại: **CONSTRUCTION AND BUILDING MATERIALS JOINT STOCK COMPANY.No2**

2. Biểu tượng (Logo)



3. Hình thức công ty:

Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, được tổ chức, hoạt động theo pháp luật nước CHXHCN Việt Nam và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

Điều 2: Trụ sở địa bàn hoạt động

1. Trụ sở chính của công ty đặt tại:

Số 69/14 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38992224 - (08) 38982212

Fax: (08) 38982212

2. Địa bàn hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2: Trên toàn lãnh thổ Việt nam và ngoài lãnh thổ Việt nam khi có điều kiện.

Điều 3: Tư cách pháp nhân

1. Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2:

- a. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- c. Có điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;
- d. Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn Điều lệ;

- e. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính;
- f. Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đơn vị trực thuộc công ty: (nếu có)
 Tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, có bảng cân đối kế toán riêng, được tự chủ về tài chính trong phạm vi số vốn của đơn vị và một số quyền khác do công ty ủy quyền.

Điều 4: Mục tiêu, chức năng và phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty

1. Mục tiêu: Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh nhằm mục tiêu tăng lợi nhuận, tạo việc làm ổn định, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển công ty.
2. Chức năng của Công ty:
 Ngành nghề kinh doanh: Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 đăng ký các lĩnh vực kinh doanh sau đây: (Theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần” đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/8/2015)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại:	4100 (Chính)
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà</i>	6810
3	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4	Cơ sở lưu trú khác <i>Chi tiết: Nhà ở lưu trú cho công nhân</i>	5590
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Xây dựng đường dây điện, cấp thoát nước, trạm biến áp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp.</i>	4290
6	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2395
7	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. <i>Chi tiết: Xây dựng giao thông</i>	4210
8	Xây dựng công trình công ích. <i>Chi tiết: Xây dựng thủy lợi</i>	4220
9	Chuẩn bị mặt bằng <i>Chi tiết: San lấp mặt bằng</i>	4312
10	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống cơ điện lạnh, hệ thống chống sét (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>	3312

11	Lắp đặt hệ thống điện. <i>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống chống sét (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>	4321
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. <i>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>	4329
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. <i>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh (máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	4322
14	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. <i>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất</i>	7410
15	Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. <i>Chi tiết: Môi giới bất động sản; dịch vụ nhà đất</i>	6820
16	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất, kính trang trí.</i>	4663
17	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.</i>	4669
18	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất hàng trang trí nội ngoại thất, hàng thủ công mỹ nghệ, kính trang trí (không hoạt động tại trụ sở)</i>	3290
19	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng. <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).</i>	2824
20	Sản xuất các cấu kiện kim loại. <i>Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép tiền chế (không hoạt động tại trụ sở)</i>	2511
21	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế.</i>	4659
22	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế</i>	7730
23	Phá dỡ: <i>Chi tiết: Phá hủy hoặc đập các toà nhà và các công trình khác</i>	4311
24	Hoàn thiện công trình xây dựng:	4330
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:	4390

3. Phạm vi hoạt động: trong và ngoài nước.

Trường hợp có nhu cầu khác sẽ bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 được thành lập và hoạt động lâu dài theo Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất là Đại hội đồng cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông là người quyết định thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, điều hành công ty.
5. Quản lý điều hành của công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc hoạt động theo khuôn khổ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 và tuân thủ pháp luật.

Điều 7: Tổ Chức Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

Các tổ chức: Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn trong công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó.

Công ty CM2 tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

Chương 2 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 8: Quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của công ty.
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của công ty. Phân công và điều hành nguồn lực giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của công ty.
4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định pháp luật.
5. Kinh doanh những ngành nghề được Nhà nước cho phép.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm.
8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghệ, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, mã số mã vạch, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam .

9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn Cổ phần với các đối tác trong và ngoài nước, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.
10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của bộ Luật lao động và các quy định khác của pháp luật.
11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ nhân viên của công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác sản xuất kinh doanh của công ty và theo các quy định của Nhà nước.
12. Các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 9: Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu trong sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển. Phù hợp các quy định của pháp luật.
2. Phát hành, chuyển nhượng, bán các trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật.
3. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
4. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về các hoạt động mà Công ty thực hiện.
2. Xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ quyền hạn của công ty và nhu cầu thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết với đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Luật lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác.
5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán; báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo quy định của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
7. Tuân thủ sự kiểm tra khi cần thiết của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính của công ty

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán, kế toán – thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy

- định, chịu trách nhiệm về tính xác thực và kịp thời của các báo cáo tài chính của công ty.
2. Bảo toàn và phát triển vốn.
 3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bản cân đối kế toán của công ty tại thời điểm thành lập theo quy định của pháp luật.
 4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty.
 5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của Nhà nước.

Chương 3

VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 12: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là số vốn do cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của công ty. Vốn điều lệ được góp bằng tiền đồng Việt nam. Những trường hợp góp vốn bằng hình thức khác do HĐQT định giá và quy ra đồng Việt nam. Vốn Điều lệ được hạch toán thống nhất là đồng Việt nam.
2. Vốn điều lệ của công ty CM2 tại thời điểm kỳ ĐHĐCĐ thường niên lần 10 năm 2016 được xác định là **20.316.400.000VNĐ** (Hai mươi tỷ ba trăm mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) được chia thành **203.164 Cổ phần** mỗi Cổ phần có mệnh giá 100.000VNĐ (Một trăm ngàn đồng) có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
3. Vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại đã được bán cho các cổ đông qua các kỳ tăng vốn được theo dõi bởi hệ thống sổ sách kế toán.
4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác và không trái pháp luật.
5. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 13: Bổ sung và gia tăng vốn điều lệ

Trong quá trình kinh doanh, tùy theo nhu cầu tài chính, theo kiến nghị của HĐQT và phù hợp theo quy định của pháp luật ĐHĐCĐ sẽ quyết định tăng vốn điều lệ theo hình thức theo luật định hay ủy quyền cho HĐQT bằng một quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 14: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của công ty CM2 là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã hoàn thành các thủ tục cần thiết để nộp tiền theo quy định của pháp luật và được ghi tên vào sổ đăng ký Cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Cổ đông sáng lập công ty:
Cổ đông sở hữu số cổ phần bằng hoặc lớn hơn 5% vốn điều lệ Công ty CM2 tại thời điểm thành lập Công ty CM2.

4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty:
 - a. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty CM2;
 - b. Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty CM2;
 - c. Các cổ đông có thể hợp thành nhóm và cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản;
 - d. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác;
 - e. Danh sách các cổ đông của công ty sẽ được theo dõi, cập nhật và quản lý của phòng kế toán công ty.

Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông nói chung

I. Quyền lợi của cổ đông:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:
 - a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công

- dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
5. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

II. Nghĩa vụ:

- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 16: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty CM2 lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Chương 4 HUY ĐỘNG VỐN

Điều 17: Nguyên tắc chung về cổ phần, cổ phiếu

1. Cổ phần:

- a. Vốn điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
- b. Vốn điều lệ của Công ty CM2 khi thành lập được chia thành 38.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 100.000VNĐ (Một trăm nghìn đồng).
- c. Vốn điều lệ của Công ty CM2 tại thời điểm kỳ ĐHCĐ thường niên lần 10 năm 2016 được xác định là: **20.316.400.000VNĐ** (Hai mươi tỷ ba trăm mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) được chia thành **203.164 Cổ phần** mỗi Cổ phần có mệnh giá 100.000VNĐ (Một trăm ngàn đồng) có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

2. Cổ phiếu:

Cổ phiếu là giấy chứng nhận về quyền sở hữu cổ phần trong công ty. Tổng giá trị của cổ phần được ghi vào cổ phiếu là mệnh giá của cổ phiếu.

Điều 18: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty CM2 phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty CM2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
 - f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
 - c. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.
4. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 19: Chào bán cổ phần, chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

I. Chào bán cổ phần:

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán ra công chúng;
 - c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty CM2 niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

II. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu:

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty CM2.
2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty CM2 được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
 - b. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định, được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty CM2.
5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

Điều 20: Chuyển nhượng cổ phần và thừa kế cổ phần

1. *Chuyển nhượng cổ phần:*
 - a. Cổ phần của công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty. Cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính công ty (nơi phát hành cổ phiếu);
 - b. Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, trong thời gian đương nhiệm thì không được chuyển nhượng theo những quy định chặt chẽ của pháp luật (trừ những hoàn cảnh đặc biệt do ĐHĐCĐ quyết định);
 - c. Đối với cổ phiếu phổ thông khi chuyển nhượng, chủ sở hữu phải thông báo với HĐQT trong vòng 7 ngày làm việc được HĐQT trả lời bằng văn bản, nếu HĐQT không có trả lời thì chủ sở hữu có quyền chuyển nhượng theo qui định;
 - d. HĐQT xem xét, xử lý việc chuyển nhượng và phải trả lời bằng văn bản cho người muốn chuyển nhượng trong thời hạn này. Nếu HĐQT không trả lời bằng văn bản hoặc không chấp nhận việc mua lại theo giá thỏa thuận (theo thời hạn như trên) thì cổ đông được phép chuyển nhượng theo quy định.
2. *Thừa kế cổ phần:*
 - a. Trường hợp cổ đông qua đời công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định;
 - Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật;

- b. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.

Điều 21: Phát hành Trái phiếu

Tùy theo nhu cầu tài chính của công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường công ty sẽ phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác.

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
5. Trường hợp công ty CM2 phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Điều lệ và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 22: Mua Cổ phần

Cổ phần, trái phiếu của công ty CM2 được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

1. *Trường hợp mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:*
 - a. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;
 - b. Yêu cầu lập thành văn bản, nêu rõ tên địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do bán. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHCĐ thông qua quyết định nói trên;
 - c. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản a Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối

cùng. Trường hợp không thống nhất về giá, các bên có quyền yêu cầu tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

2. *Trường hợp mua lại cổ phiếu theo quyết định của công ty:*

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.
- d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

3. *Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua được:*

- a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác;
- b. Sau khi thanh toán hết cổ phần mua lại, nếu tổng trị giá tài sản được ghi lại trong sổ kế toán của công ty giảm trên 10%, thì công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Chương 5

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

ĐIỀU 23: Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty CM2

Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Giám Đốc;
- Bộ máy giúp việc Giám đốc.

Điều 24: Đại diện theo pháp luật của công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Người đại diện theo pháp luật nêu tại các điểm trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại công ty không được ủy quyền cho người khác;
5. Đại diện theo pháp luật của công ty là Giám đốc. Công ty có thể có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật.

Điều 25: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất 06 tháng;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất 06 tháng có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty CM2 và Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
9. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 5 và 7 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 27: Danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty CM2.

Điều 28: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 29: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết;
 - c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 30: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 31: Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định của điều lệ công ty CM2.

Điều 32: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 33: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 34: Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 35: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 5. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
 6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.
 7. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
 8. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 9. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
 10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
 11. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty CM2.

Điều 37: Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 38: Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này, thì các

ng nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 39: Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty giữa hai kỳ Đại hội, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền.
2. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 03 năm, thành viên của Hội đồng do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Thành viên trúng cử HĐQT gồm các ứng cử viên (hoặc đề cử) có số phiếu bầu theo thứ tự từ cao đến thấp trong số ứng cử viên được bầu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội bằng thể thức bầu trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín. Con số thành viên ở trên có thể tăng hay giảm và sẽ do thành viên Hội đồng quyết định bằng sự biểu quyết của đa số thành viên đương nhiệm. Tuy nhiên nếu tăng cũng không vượt quá 11 người. Tiêu chuẩn chọn lựa:
 - a. Là những người có kinh nghiệm, khả năng chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực hiểu biết luật pháp;
 - b. Chủ tịch HĐQT không là thành viên của HĐQT hoặc kiểm soát viên của các doanh nghiệp cùng ngành nghề;
 - c. Những người sau đây: vợ chồng, thân thuộc trực hệ ba đời, anh chị em ruột của vợ chồng, không được đảm nhận các chức danh sau: Chủ tịch, thành viên HĐQT, Giám đốc, phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng của công ty;
 - d. Kiểm soát viên của công ty chỉ được bầu làm thành viên HĐQT ít nhất là 02 năm sau khi mãn nhiệm kỳ.
Thành viên HĐQT có thể từ chức bất cứ lúc nào bằng cách gửi văn bản cho công ty, nhưng thư từ chức không bắt buộc công ty phải chấp nhận.
3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. HĐQT có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ;
 - b. Quản trị công ty theo đúng pháp luật nhà nước, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHCĐ;
 - c. Trình ĐHCĐ quyết định:
 - Kế hoạch phát triển dài hạn của công ty;
 - Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn Cổ phần;
 - Đầu tư các dự án có tổng vốn đầu tư lớn hơn hay bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - d. Quyết định chiến lược phát triển của công ty;
 - e. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - f. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - g. Quyết định phương án đầu tư;

- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
 - j. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - k. Kiến nghị cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - l. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;
 - m. Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó;
 - o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
 - q. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất;
 - r. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi danh;
 - s. Giám sát hỗ trợ công tác điều hành của Giám đốc và các chức danh do HĐQT trực tiếp quản lý;
 - t. Xem xét và ủy quyền cho GD khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của công ty;
 - u. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty;
 - v. Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường;
 - w. HĐQT chịu trách nhiệm về những hành vi của mình nếu các hành vi đó vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây thiệt hại cho công ty;
4. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 40: Điều kiện ứng cử thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.
2. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có kiến thức và hiểu biết pháp luật.
3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của công ty và cổ đông của công ty.

Điều 41: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được HĐQT bầu ra trong số các thành viên HĐQT với đa số phiếu bằng thẻ thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
2. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT chỉ định một ủy viên thường trực HĐQT.
4. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên thường trực hoặc thành viên HĐQT thay mặt mình đảm trách thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.
5. Nhiệm kỳ của chủ tịch HĐQT là 03 năm.
6. Trong nhiệm kỳ của HĐQT, ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhận cho đến hết nhiệm kỳ.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức theo Điều 42 (Cuộc họp Hội đồng quản trị) dưới đây;
 - d. Thực hiện theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo đề nghị của Ban kiểm soát.
8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ đã giao, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 42: Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Hội đồng quản trị:
 - a. HĐQT họp thường kỳ 01 quý một lần vào tuần lễ đầu tiên của quý;
 - b. Theo đề nghị của Ban kiểm soát (của ba thành viên đương nhiệm) hay Giám đốc và những thành phần khác theo qui định của pháp luật.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên tham dự họp.
3. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người chủ tọa phiên họp.
4. Hội đồng quản trị cũng có thể thông qua quyết định bằng biểu quyết hay lấy ý kiến bằng văn bản có tất cả các thành viên quyết định.

Điều 43: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc và cán bộ quản lý các đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu và giải thích về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong công ty. Khi được yêu cầu thì các bộ phận liên quan phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin và tài liệu theo yêu cầu.

Điều 44: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Mất quyền công dân, mất trí;
 - b. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- c. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - d. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 - e. Tự ý bỏ các phiên họp HĐQT quá 05 lần mà không có lý do chính đáng.
 - f. Do Công ty CM2 bị giải thể;
 - g. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - h. Từ chức.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
 3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định thì Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong thời gian chờ đợi, số thành viên còn lại tiếp tục thi hành nhiệm vụ, họp hành và quyết định dựa trên con số thành viên còn lại.
 4. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên đã từ chức, mất năng lực, bị miễn nhiệm hay bãi nhiệm.

Điều 45: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. Phân công các thành viên HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát sự hoạt động của công ty;
 - b. Triệu tập các phiên họp HĐQT;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT;
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f. Thực hiện ủy quyền và chịu trách nhiệm về ủy quyền của mình;
 - g. Thực hiện đúng Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT;
 - h. Chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCĐ, trước HĐQT và trước pháp luật về những hành vi của mình.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác;
 - b. Đóng góp, xây dựng phương hướng phát triển, hoạt động kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ;
 - c. Được quyền yêu cầu cán bộ quản lý trong công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty để thực hiện trách nhiệm của mình;
 - d. Tham dự các phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
 - e. Thực hiện đúng Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT;
 - f. Chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCĐ, trước HĐQT và trước pháp luật về những hành vi của mình;

- g. Thành viên HĐQT là đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty CM 2 (nếu có) thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- h. Thành viên HĐQT có thể đảm nhiệm các chức vụ quản lý của công ty.

Điều 46 : Quyền lợi của thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT hưởng thù lao do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
2. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của công ty.
3. Tổng chi phí hoạt động hàng năm của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định.
4. HĐQT có quyền sử dụng bộ máy của công ty để kiêm nhiệm công tác của HĐQT hoặc có thể tổ chức bộ máy giúp việc độc lập trực thuộc HĐQT gồm nhóm tư vấn và thư ký giúp việc Chủ tịch HĐQT và HĐQT.

Điều 47: Ban kiểm soát – Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

1. *Ban kiểm soát:*
 - a. Công ty có một Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát 03 năm (cùng nhiệm kỳ của HĐQT). Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
 - b. Thành viên BKS bầu trong số họ 01 người làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;
 - c. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ;
 - d. Trưởng Ban kiểm soát phải có đủ năng lực chuyên môn, kỹ thuật và quản lý công tác quản lý kinh doanh, có sức khỏe có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật. Trưởng Ban kiểm soát không được kiêm nhiệm bất cứ chức danh nào thuộc quyền bổ nhiệm của HĐQT;
 - e. Trưởng BKS được công ty dành cho một quyền hạn đủ để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo như đề nghị của trưởng ban tại các phiên họp của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Chế độ làm việc và thù lao của Ban kiểm soát do trưởng ban đề nghị và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
2. *Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:*
 - a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;
 - b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý;
 - c. Đề nghị các biện pháp xử lý thích hợp cho Chủ tịch HĐQT thực hiện sau khi kiểm tra hay thẩm định mà thấy có những vi phạm hay là dấu hiệu vi phạm khiến gây thiệt hại cho công ty;
 - d. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- e. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính các báo cáo khác của công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
 - f. Kiến nghị biện pháp bổ sung sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
 - g. Kiểm tra tính trung thực và độ tin cậy của thông tin báo cáo tài chính, báo cáo Quản trị trước khi trình cổ đông;
 - h. Kiểm tra tuân thủ các nguyên tắc hoạt động, quản lý kinh doanh của công ty, các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, sự tuân thủ pháp luật và các chế độ chính sách của Nhà nước;
 - i. Phát hiện những sơ hở, yếu kém trong quản lý bảo vệ tài sản công ty. Đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
 - j. Kiểm tra, xác nhận và đánh giá tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty;
 - k. Thông báo định kỳ về tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT;
 - l. Thông báo với ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và GD theo lập trường độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình (Trong trường hợp Kiểm soát viên biết có sai phạm trong tổ chức và hoạt động của công ty mà không báo cáo trước ĐHĐCĐ thì phải chịu trước pháp luật về trách nhiệm của Kiểm soát viên của mình);
 - m. Tiếp đón trao đổi và làm việc với đoàn kiểm tra, thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - n. Các quyền và nhiệm vụ khác theo bản Điều lệ này;
 - o. Việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ ở trên và lúc nào sẽ do trưởng ban toàn quyền quyết định, hay khi có yêu cầu của HĐQT hoặc hai người trong số thành viên của ban.
3. *Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát:*
- a. Thành viên Ban kiểm soát phải đủ từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác.
 - c. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho công ty khi thi hành nhiệm vụ;
 - d. Việc kiểm tra qui định tại các điểm 2a và 2b của điều này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

Điều 48: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác sẽ cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu cũng như giải thích về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 49: Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát

Những người dưới đây không được làm thành viên của ban kiểm soát:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty. Người có liên quan được hiểu theo định nghĩa của luật doanh nghiệp.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù.

Điều 50: Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm Kiểm soát viên

1. Trưởng BKS hoặc kiểm soát viên yêu cầu được từ chức, từ nhiệm đều phải làm đơn thông qua BKS để BKS xem xét và quyết định. Sau khi BKS có quyết định chính thức về việc từ chức, từ nhiệm thì BKS thông báo bằng văn bản cho HĐQT biết để quản lý.
2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Mất quyền công dân;
 - b. Tự ý bỏ nhiệm vụ;
 - c. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - d. Cổ động pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 - f. Trở thành công chức trong bộ máy Nhà nước, gia nhập lực lượng vũ trang Nhân dân (trừ trường hợp được sự phân công của Nhà nước);
 - g. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.

Điều 51: Quyền lợi của BKS

1. Trưởng BKS, các thành viên BKS hưởng thù lao do ĐHCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.
2. Mọi chi phí hoạt động của BKS được hoạch toán vào chi phí quản lý công ty.
3. BKS được quyền sử dụng nhân viên và phương tiện làm việc của công ty hoặc HĐQT để lập các báo cáo về hoạt động của HĐQT và công ty để báo cáo trước ĐHCĐ thường niên và bất thường.

Điều 52: Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc người khác làm Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng có thể kiêm Giám đốc công ty. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Giám đốc có quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động hàng ngày của công ty;
 - b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty. Trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - f. Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc:

Giám đốc Công ty CM 2 phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh Nghiệp;
- b. Có năng lực quản trị, kinh doanh, hiểu biết và tuân thủ luật pháp;
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có tính kỷ luật trong nhiệm vụ được giao, có khả năng đoàn kết nội bộ và làm việc tập thể.

Điều 53: Chức năng - Nhiệm vụ của Giám đốc

1. Xây dựng đề án, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động Công ty CM2 trình HĐQT quyết định để tổ chức thực hiện.
2. Trực tiếp ký kết hợp đồng lao động và bố trí các nhân sự thích hợp vào bộ máy quản lý công ty .
3. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Điều lệ công ty và tuân thủ pháp luật.
4. Quản lý và sử dụng vốn theo mục tiêu, phương án kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt. Sử dụng vốn hiệu quả, bảo tồn và phát triển vốn công ty.
5. Xây dựng và trình HĐQT kế hoạch kinh doanh hàng năm và mục tiêu chiến lược phát triển công ty cho giai đoạn (3 đến 5) năm tiếp theo.
6. Lựa chọn các hình thức trả lương, tiền thưởng thích hợp theo năng suất và chất lượng lao động, các biện pháp kích thích vật chất và động viên tinh thần, nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng công việc, công trình, sản phẩm, dịch vụ do công ty thực hiện.
7. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm báo cáo trước HĐQT tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty theo quy định của HĐQT.
8. Đại diện cho công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của công ty.
9. Tuân thủ pháp luật và chấp hành các quy định của nhà nước, các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và quyết định của HĐQT.
10. Đại diện cho công ty hoạt động kinh doanh theo pháp luật, nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, chế độ báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 54: Quyền hạn và trách nhiệm Giám đốc

1. Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất trong việc điều hành công ty theo quy định của HĐQT.
2. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT hay các yêu cầu của thành viên HĐQT nếu xét thấy các quyết định ấy trái pháp luật, trái Điều lệ công ty và trái Nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho Trưởng BKS để được xử lý.
3. Tuyển dụng thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của HĐQT, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động theo Luật lao động.
4. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT

5. Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho công ty.

Điều 55: Ủy quyền – Ủy nhiệm

1. GD công ty có quyền ủy nhiệm cho các Phó GD hoặc người khác trong công ty thay mặt mình giải quyết một số việc của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được GD ủy quyền, ủy nhiệm chịu trách nhiệm trước GD và trước pháp luật về những công việc của mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 56: Từ nhiệm và miễn nhiệm

1. Khi GD yêu cầu được từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn HĐQT xem xét và quyết định.
2. GD bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Mất quyền công dân, mất trí;
 - b. Không hoàn thành nhiệm vụ;
 - c. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - d. Trở thành công chức trong bộ máy nhà nước, gia nhập lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Trường hợp GD bị miễn nhiệm, HĐQT tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm GD mới.

Chương 6

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 57: Tuyển dụng lao động và trả lương

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo quy chế của công ty và theo chế độ hợp đồng lao động do Nhà nước ban hành. GD hoặc người được GD ủy quyền ký kết hợp đồng lao động với người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương 7

TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 58: Hạch toán

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ năm đầu sau khi thành lập và năm kết thúc thì năm tài chính bắt đầu vào ngày thành lập hay chấm dứt vào ngày có quyết định giải thể.
2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành của nhà nước.
3. Cuối mỗi niên khóa HĐQT xem xét thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ.
 - a. Bản cân đối kế toán của công ty;

- b Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- c Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d Thuyết minh báo cáo tài chính;
- e Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, thành viên BKS ít nhất trước 15 ngày của kỳ ĐHĐCĐ thường niên.

4. Sau ĐHĐCĐ, các văn bản, biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng công ty theo luật định và theo các quy định của công ty.

Điều 59: Yêu cầu về Kiểm toán

Báo cáo quyết toán tài chính của Công ty trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua phải được công ty kiểm toán độc lập đánh giá (toàn bộ hoặc từng phần) khi BKS hoặc HĐQT yêu cầu.

Điều 60: Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Theo quy định của nhà nước lợi nhuận của công ty gồm:
Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác (bất thường).
Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận trước thuế - thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Trích quỹ: căn cứ vào kết quả SXKD hàng năm, HĐQT quyết định mức trích và tỷ lệ trích của từng loại quỹ cho phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính cho doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông.
3. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo số cổ phần đang sở hữu. Tùy tình hình và điều kiện kinh doanh cho phép HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng quý hoặc 06 tháng.
4. Tùy theo qui định của Điều lệ, công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông theo loại cổ phần họ nắm và theo quy định dành cho mỗi loại cổ phần đó. Công ty cũng có thể trả cổ tức với các hình thức khác theo kiến nghị của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ chấp nhận.
5. Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nhiệm vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Nếu công ty có dự án mới có khả năng sinh lời và có khả năng làm gia tăng mệnh giá cổ phần của công ty thì theo kiến nghị của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ chấp thuận, công ty sẽ không chia cổ tức cho cổ đông.
6. Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo sẽ có nội dung như luật định. Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

Điều 61: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ĐHCĐ có thể xử lý bằng các biện pháp:

- Trích từ quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời ĐHCĐ quyết định các biện pháp để khắc phục.

Chương 8 CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 62: Con dấu

1. Con dấu của công ty được khắc theo mẫu qui định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền, Sở Kế hoạch Đầu tư và Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 63: Chế độ lưu giữ tài liệu, hồ sơ

1. Công ty CM2 lưu giữ các tài liệu, hồ sơ sau:
 - a. Điều lệ công ty, kể cả bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b. Nội qui và quy chế quản lý nội bộ của công ty, sổ đăng ký cổ đông;
 - c. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Quyết định của Nhà nước về việc chuyển Công ty Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2, các văn bản khác của Bộ NN & PTNT, của Tổng Công ty XD NN & PTNT của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan việc chuyển Công ty Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2;
 - e. Giấy đăng ký hoạt động xây dựng; các giấy tờ khác được coi là điều kiện kinh doanh, các văn bản khác theo quy định của pháp luật;
 - f. Các tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu của công ty;
 - g. Biên bản họp ĐHCĐ, họp HĐQT, biên bản thông qua Nghị quyết bằng cách hỏi ý kiến tất cả các quyết định đã được thông qua;
 - h. Báo cáo của BKS, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức Kiểm toán (nếu có);
 - i. Các tài liệu hồ sơ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, các hồ sơ hoàn công;
 - j. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - k. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
2. Các tài liệu, hồ sơ trên của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2 được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Thời hạn lưu giữ được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

Chương 9

GIẢI THỂ – THANH LÝ – TRANH TỤNG

Điều 64: Giải thể

Công ty CM 2 giải thể trong các trường hợp sau:

1. Công ty kinh doanh thua lỗ trong 02 năm liên tiếp dẫn đến mất khả năng thanh toán đối với các khoản nợ đến hạn hoặc kinh doanh bị lỗ đến 50% vốn Điều lệ.
2. Khi có lý do chính đáng, HĐQT có quyền đề nghị để ĐHĐCĐ bất thường quyết định giải thể công ty.
3. Theo yêu cầu chính đáng của các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% vốn Điều lệ.
4. Quyết định của tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
5. Trước khi giải thể công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ để có biểu quyết chính thức.

Điều 65: Trình tự giải thể

1. Trường hợp bình thường, khi công ty giải thể thì HĐQT sẽ thực hiện các bước sau:

a. Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị sẽ họp để thảo luận và đề ra phương án giải thể chú trọng đến các vấn đề thời gian, thủ tục thanh lý, thanh toán các khoản nợ của công ty, phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động. Lập tổ thanh lý tài sản dựa theo các quy định của luật pháp đang có hiệu lực vào thời điểm đó và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để ra quyết định giải thể.

b. Hội Đại hội đồng cổ đông.

ĐHĐCĐ sẽ xem xét góp ý kiến về phương án giải thể, lập một quyết định giải thể và thông qua quyết định giải thể bằng biểu quyết chấp thuận của 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp;

Kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, công ty ngưng hoạt động kinh doanh và việc điều hành công ty sẽ do tổ thanh lý phụ trách với nhiệm vụ chính là thực hiện phương án giải thể.

c. Công bố.

Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua, công ty sẽ gửi quyết định đó để cơ quan đăng ký kinh doanh, các chủ nợ các người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người lao động trong công ty. Riêng đối với các chủ nợ, quyết định gửi đi kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ trong đó có nêu địa điểm và phương thức thanh toán số nợ cách thức và thời hạn giải quyết các khiếu nại của chủ nợ. Quyết định giải thể cũng được niêm yết tại trụ sở chính của công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung ương trong ba số tiếp.

d. Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ công ty.

Bảy ngày sau khi thông báo quyết định giải thể. HĐQT lập tổ thanh lý, tổ này gồm có năm người trong đó có Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty, ba người là cổ đông hoặc là người từ bên ngoài. Trong tổ phải có ít nhất là một kế toán viên có kinh nghiệm. Giám đốc và Kế toán trưởng không được làm tổ trưởng tổ thanh lý;

Tổ thanh lý sẽ thực hiện và hoàn tất phương án giải thể trong vòng không quá năm tháng kể từ ngày được thành lập. Sau khi thanh toán hết nợ của công ty,

tổ thanh lý sẽ gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký doanh nghiệp để xóa tên công ty trong sổ đăng ký doanh nghiệp.

2. Nếu công ty bị thu hồi giấy phép kinh doanh thì thủ tục trên cũng sẽ thực hiện nhưng cả bốn bước trên phải được thực hiện trong vòng không quá sáu tháng.

Điều 66: Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể công ty, ĐHĐCĐ lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng BKS làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thanh sát viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.

Điều 67: Tố tụng, tranh chấp

1. Công ty CM2 có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi cá nhân, pháp nhân khi tố tụng tranh chấp.
2. Trong thời gian công ty hoạt động bình thường cũng như thời gian thanh lý công ty, mọi xử lý các tranh tụng liên quan đến công ty đều thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong công ty gây ra. HĐQT tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của cổ đông. Nếu HĐQT bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương 10 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68: Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ (sửa đổi lần thứ nhất) đã ký ngày 17/01/2014 và có giá trị kể từ ngày / /2017.
2. Điều lệ này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau và lưu giữ tại Công ty CM2.
3. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.
4. Nếu những điều khoản trong Điều lệ này trái với những quy định của pháp luật thì sẽ áp dụng những quy định của pháp luật.

Điều 69: Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Khi muốn sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ đề nghị những mục hay vấn đề cần sửa đổi, bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định của đại hội phải được trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

Các thành viên HĐQT ký tên

CHỦ TỊCH HĐQT

Họ và tên:	Chữ ký
Nguyễn Đình Sơn
Triệu Cẩm Nhung
Nguyễn Kim Duy
Nguyễn Văn Thế